

Số: 07/2018/QĐST-DS

T, ngày 29 tháng 08 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 348, 351, 355, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 13; khoản 7, khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 08 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 33/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 07 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”;

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A**

Trụ sở tại: Q 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đ, chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Mạnh Q, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc ngân hàng TMCP A.

(văn bản ủy quyền số 28/UQ-HĐQT.18 ngày 04/05/2018)

Người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: Số 36 H, phường D, quận Đ, thành phố Hà Nội.

(văn bản ủy quyền số 768/UQ-TGD.18 ngày 27/06/2018)

**Bị đơn: ông Nguyễn Huy H**

sinh năm 1980

Và vợ là bà Nguyễn Thị T

sinh năm 1980

Cùng trú tại: Xóm 7, xã Y, huyện T, thành phố Hà Nội.  
(ông H ủy quyền cho bà T, văn bản ủy quyền ngày 06/08/2018)

**Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ cháu Nguyễn Tâm A sinh năm 2007 (con chị T, anh H)

+ cháu Nguyễn Minh Đ sinh năm 2011 (con chị T, anh H)

Cùng trú tại: Xóm 7, xã Y, huyện T, thành phố Hà Nội.

(cháu TA và cháu Đ do chị T, anh H đại diện theo pháp luật

**II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Ông Nguyễn Huy H và vợ là bà Nguyễn Thị T xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền (tính đến ngày 21/08/2018) là **682.208.696đ** (*sáu trăm tám mươi hai triệu hai trăm lẻ tám nghìn sáu trăm chín sáu đồng*) bao gồm 421.353.312đ nợ gốc; 260.855.384đ nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng (trung & dài hạn) số 106/13/TDTDH/II.1 ngày 29/07/2013 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 07/08/2013. Ngoài ra, vợ chồng ông Nguyễn Huy H, bà Nguyễn Thị T không còn bất cứ khoản nợ nào khác đối với ngân hàng TMCP A.

2. Các bên thống nhất phương thức, thời gian thanh toán cụ thể như sau:

+ Chậm nhất, đến ngày 28/02/2019, vợ chồng ông H, bà T phải thanh toán toàn bộ **682.208.696đ** (*sáu trăm tám mươi hai triệu hai trăm lẻ tám nghìn sáu trăm chín sáu đồng*) bao gồm 421.353.312đ nợ gốc; 260.855.384đ nợ lãi.

+ Ông H, bà T cam kết sẽ thanh toán ít nhất mỗi tháng 40.000.000đ chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng.

+ Các bên đương sự thống nhất, toàn bộ số tiền thanh toán kể từ ngày 22/08/2018 đến ngày 28/02/2019 được trừ vào nợ gốc. Ngoài ra, ông H, bà T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán trả ngân hàng TMCP A số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/08/2018 trên dư nợ gốc thực tế (lãi suất được tính theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nêu trên) cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

Sau khi trả hết nợ gốc, ngân hàng TMCP A sẽ xem xét miễn giảm một phần tiền lãi cho ông H, bà T.

3. Nếu vợ chồng ông Nguyễn Huy H, bà Nguyễn Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết nêu trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng 120.3m<sup>2</sup> đất ở và tài sản gắn liền với đất tại xã Y, huyện T, Hà Nội (thửa đất số 98(1), tờ bản đồ số 10 - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 490675 của UBND huyện T cấp ngày 10/06/2013 mang tên Nguyễn Huy H và Nguyễn Thị T). Hợp đồng thế chấp số 4359 13 quyền số 03 TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 29/07/2013 tại Phòng công chứng Số 1 - thành phố Hà Nội để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì ông H, bà T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

**4. Về án phí:** Các bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Nguyễn Huy H, bà Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do có Đơn xin miễn giảm án phí được chấp nhận, nên vợ chồng ông H, bà T được giảm 50% phần án phí phải chịu. Ông H, bà T phải nộp số tiền án phí là 11.733.000 đồng (*mười một triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn*). Ngân hàng TMCP A không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.800.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/8070 ngày 12/07/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T - thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**III.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- VKDND huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**Nguyễn Đức Lập**